

Số: 73 /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách
Sửa đổi lần 1 năm 2015

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Khoa học-Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015.

Mã số đăng ký: Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *J. Hưng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng ký);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.



Đình La Thăng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 1:2015 QCVN 45: 2012/BGTVT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ BẾN XE KHÁCH**

Sửa đổi 1:2015

***National technical regulation on Bus station
Admendment No.1:2015***

HÀ NỘI – 2015

Lời nói đầu

Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015) do Tổng cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 73 /2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT chỉ bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung của QCVN 45:2012/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách) được ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012.

Những nội dung không được nêu trong Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT thì áp dụng theo QCVN 45:2012/BGTVT.

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
1.4. Giải thích từ ngữ.....	4
II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT	4
2.1. Quy định chung.....	4
2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình.....	4
2.4. Quy định về bảo vệ môi trường	5
III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	5
3.1. Nội dung quản lý.....	5
3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước.....	7
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ BẾN XE KHÁCH
Sửa đổi 1:2015**

***National technical regulation on Bus station
Admendment No.1:2015***

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1. Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.1.11. Các bến xe khách từ loại 1 đến loại 6 phải được công bố công suất của bến xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại bến xe khách.

Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m ²	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m ²	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện

			30°C				
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m ² /người				
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m ²				
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)				
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích				
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt		chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che				
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng				
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn			
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe			

2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

2.4.4. Đối với bến xe khách có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng và đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, sẫm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.4.6. Bến xe khách trong nằm trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nội dung quản lý

3.1.2. Quy định về thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

3.1.2.1. Thủ tục công bố lần đầu

a) Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

b) Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT;

- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác có giá trị trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

3.1.2.2. Thủ tục công bố lại:

b) Hồ sơ đề nghị công bố lại bao gồm:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT.

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

3.1.3. Áp dụng quy trình đảm bảo an toàn giao thông và giải quyết cho xe ra, vào bến xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3.1.5. Lộ trình áp dụng phần mềm quản lý bến xe:

a) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, bến xe khách từ loại 1, loại 2 phải trang bị phần mềm quản lý bến xe và hệ thống camera giám sát.

b) Từ ngày 31 tháng 12 năm 2016, bến xe khách loại 3, loại 4 phải trang bị phần mềm quản lý bến xe.

3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước

3.2.3. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Thực hiện công bố và công bố lại việc đưa bến xe khách vào khai thác, công bố tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bến xe khách trên địa bàn địa phương; Trường hợp tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bến xe khách thì phải công bố trước thời điểm bến xe khách tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động tối thiểu 90 ngày. Văn bản công bố phải đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý.

e) Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương xây dựng các tiêu chí cho bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 đối với các bến xe khách thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, ban hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.4. Các bến xe khách đã công bố trước ngày 01 tháng 7 năm 2013, phải bổ sung bản vẽ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông điểm đầu nối bảo đảm an toàn giao thông thay cho văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền; Giấy chứng nhận kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác bến xe hoặc Quyết định thành lập bến xe khách thay cho Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng để công bố lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4.5. Việc công bố công suất của bến xe thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định./.

Phụ lục 2.

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách(3).....như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ... (4) ...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m ²		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố